

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2021/DS-PT

Ngày: 25 – 02 – 2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 389/2020/TLPT- DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2020/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 394/2020/QĐPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1950 (có mặt).
 2. Ông Quách Thanh T4 (vắng mặt).
 3. Bà Quách Minh T2 (vắng mặt).
 4. Ông Quách Chí L1 (vắng mặt).
 5. Bà Quách Thị H1 (vắng mặt).
 6. Ông Quách Thái S2, sinh năm 1981 (có mặt).
 7. Ông Quách Thanh T1 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh C ..
8. Bà Quách Ngọc M (vắng mặt).
- Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C ..
9. Bà Quách Thị T3 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1, ông T2, bà T3 và bà H1: Bà Nguyễn Thị S1 (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Võ Văn U, sinh năm 1954 (có mặt).

2. Ông Võ Bé S4, sinh năm 1996 (có mặt).

3. Bà Lê Thị S3 (vắng mặt).

4. Bà Võ Chúc Q (vắng mặt).

5. Bà Võ Trúc H2 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh C ..

6. Bà Võ Trúc N, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thanh Đạm, xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Võ Thị Trúc L2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Điền, xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị S1, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị S1 trình bày:

Năm 1997, vì điều kiện gia đình khó khăn, bà và ông Quách Văn Hồn có chuyển nhượng phần đất với diện tích 05 công tầm 03m, cho hộ ông Võ Văn U, khi đó chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau, không có giấy tờ chứng minh, không có chính quyền địa phương chứng thực, đất tọa lạc tại ấp Lung Môn, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Khi đó có giao đất thực tế và đo đạc cụ thể, do chồng bà là ông Quách Văn Hồn đại diện gia đình bà với hộ ông Võ Văn U và hộ bà Bùi Ánh Hồng là giáp ranh chỉ phần đất giáp ranh giữa hai bên. Đến năm 2001, bà và ông Hồn có đi làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất cho hộ ông U. Nhưng sau khi tìm hiểu mới biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Võ Văn U tổng cộng diện tích là 10.254m², như vậy là dư 2.980,8m² so với diện tích 05 công tầm 03m mà bà và ông Hồn đã bàn giao năm 1997. Từ lý do đó, bà (S1), ông T1, ông T2, ông S2, ông L1, bà M, bà T3 và bà H1 và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông U, bà S3, ông S3, bà Q, bà N, bà H2 và bà L2 trả lại phần đất là 2.980,8m².

Nguyên đơn ông Quách Thanh T1 trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà S1 về phần đất này trước đó không có cầm cố với ông U, mà sang nhượng cho ông U với diện tích 05 công tầm 03m, nếu đo dư thì trả lại cho bà S1. Ông cho rằng trong đơn nhượng đất là không đúng sự thật vì gia đình ông không có ký vào đơn.

Nguyên đơn ông Quách Thái S2 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà S1 và ông T1, ông không trình bày bổ sung gì thêm. Tại phiên tòa, ông thừa nhận lời trình bày của ông U về vị trí ranh đất

là đúng thực tế. Hai bên ộp đất vào nhau để làm ranh và ranh đất được hình thành từ năm 1997 đến nay không thay đổi.

Nguyên đơn bà Quách Ngọc M trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà S1, ông T1 và ông S2, bà không trình bày bổ sung gì thêm.

Bị đơn bà Lê Thị S3 trình bày:

Trước năm 1997, bà (Sáu) có nhận cổ của bà S1 và ông Hôn 05 công đất tầm 03m. Đến năm 1997, bà S1 ông Hôn có kêu bà và ông U chuyển nhượng phần đất theo đo đạc tổng cộng 08 công đất tầm 03m với giá 02 cây 08 chỉ vàng 24k, cụ thể như sau: Mặt tiền dài 50m, mặt hậu dài 71m, mặt cạnh ngang là 156m và mặt cạnh dài 183m. Vào năm 2001 bà S1 và ông Hôn có đi làm thủ sang tên chuyển quyền sử dụng đất cho bà và ông U, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Võ Văn U với diện tích 10.254m², đất tọa lạc tại ấp Lung Môn, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Nay bà S1, ông T1, ông L1, ông T2, ông S2, bà M, bà T3 và bà H1 yêu cầu bà, ông U, ông S3, bà Q, bà N, bà H2 và bà L2 trả lại 2.980,8 m² bà không đồng ý.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn ông Võ Văn U trình bày bổ sung:

Khi nhận chuyển nhượng là thỏa thuận 08 công tầm 03m, nhưng do địa hình thực tế của đất, nên hai bên thống nhất đo tổng diện bao nhiêu thì tính bao nhiêu. Năm 1997, thì hai bên có làm đơn nhượng đất, thể hiện như sau: Mặt tiền dài 50m, mặt hậu dài 71m, mặt cạnh ngang là 156m và mặt cạnh dài 183m. Có ông Hôn, bà S1, ông T1 và ông L1 thống nhất ký trong đơn và được chính quyền ấp, xã chứng thật. Ông xác định gia đình ông không có lần chiếm đất ông Hôn và bà S1. Vì khi đó hai bên đều có mặt bàn giao đất trên thực tế và cắm ranh, ngay trong năm 1997 thì gia đình ông đã đào mương ranh ộp vào ranh đất của ông Hôn, sau đó ông Hôn cho con là ông Quách Thái S2 và ông Quách Minh T2 đang quản lý sử dụng, ranh đất này cũng được giữ nguyên cho đến nay. Năm 2001, giữa ông (Út), bà S3 với ông Hôn và bà S1 có lập lại hợp đồng chuyển nhượng đất theo mẫu, cũng với diện tích 10.254m² và hai bên đồng ý ký tên trong hợp đồng. Phía bà S1, ông T1, ông L1, ông T2, ông S2, bà M, bà T3 và bà H1 cho rằng gia đình ông lần chiếm và yêu cầu ông (Út), bà S3, ông S3, bà Q, bà N, bà H2 và bà L2 trả lại 2.980,8m² thì ông không chấp nhận.

Bị đơn bà Võ Thị Trúc L2 thống nhất với lời trình bày của bà S3 không trình bày gì thêm.

Bị đơn bà Võ Trúc H2 thống nhất với lời trình bày của bà S3 không trình bày gì thêm.

Bị đơn bà Võ Trúc N thống nhất với lời trình bày của bà S3 và ông U. Bà xác định gia đình bà không có lần chiếm đất của ông Hôn và bà S1, từ năm 1997 đến nay không có tranh chấp gì và bà S1 cũng không có nói đất bị thừa. Bà xác định gia đình bà không có lần chiếm đất của ông Hôn và bà S1, nên không đồng ý trả đất.

Bị đơn ông Võ Bé S4 thống nhất với lời trình bày của bà S3, ông U và bà N. Ông là con út trong gia đình, cùng quản lý sử dụng đất này với bà S3 và ông U.

Ông xác định gia đình ông không có lần chiếm đất của ông Hôn và bà S1, nên không đồng ý trả đất.

Từ nội dung vụ án nêu trên, Bản án sơ thẩm quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S1, ông Quách Thanh T1, ông Quách Chí L1, ông Quách Minh T2, ông Quách Thái S2, bà Quách Thị T3, bà Quách Ngọc M và bà Quách Thị H1 về việc yêu cầu ông Võ Văn U, bà Lê Thị S3, ông Võ Bé S4, bà Võ Chúc Q, bà Võ Trúc N, bà Võ Trúc H2 và bà Võ Thị Trúc L2 trả lại diện tích đất 2.980,8m². Đất tọa lạc tại ấp Lung Môn, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30-10-2020 bà Nguyễn Thị S1 có đơn kháng cáo, ngày 18-12-2020, bà Nguyễn Thị S1 kháng cáo bổ sung:

Đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy án sơ thẩm. Chữ ký trong tài liệu “Đơn nhượng đất ” ngày 24-4-1997, bà S1 xác định bà S1, chồng bà S1 và 02 con bà S1 là Linh, Sơn không có ký giấy này. Đến năm 2001, bà S1 giao Giấy CNQSDĐ cho ông U đi làm thì ông U tự ghi số liệu diện tích 10.254m² vào và đưa cho vợ chồng bà S1 ký tên. Từ đó, bà đề nghị giám định chữ ký trong tài liệu “Đơn nhượng đất” ngày 24-4-1997. Ngoài ra, đơn kháng cáo còn cho rằng án sơ thẩm có vi phạm tố tụng xác định quan hệ tranh chấp đất đai là không đúng, mà phải xác định tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mới đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền theo lãnh thổ, nơi có bất động sản tranh chấp và nơi bị đơn cư trú theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về xác định quan hệ pháp luật “*tranh chấp đất đai*” là chưa phù hợp, vì nguyên đơn cho rằng chỉ chuyển nhượng có 05 công đất tầm 03 mét (01 công = 1.296m²), nhưng trong hợp đồng chuyển nhượng của các bên, bị đơn tự ghi cho vợ chồng bà S1 ký tên chuyển nhượng là 10.254m² là không đúng với diện tích nguyên đơn đã chuyển nhượng, nên đòi lại diện tích 2.980m². Với yêu cầu khởi kiện nêu trên, cần xác định “*tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo quy định theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Các đồng nguyên đơn cùng xác định vào năm 1997, ông Hồn và bà S1 chuyển nhượng cho ông U và bà S3 phần đất có diện tích 05 công tằm 03m. Khi đó, chỉ thoả thuận bằng miệng, không có giấy tờ chứng minh. Đến năm 2001 thì bà S1 và ông Hồn có đi làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất đứng tên Võ Văn U (được các bên thừa nhận vấn đề này). Tuy nhiên, theo bà S1 thì ông U tự ghi diện tích là 10.254m² vào hợp đồng chuyển nhượng được Phòng Địa Chính ký xác nhận ngày 6-4-2001 (theo đó ông Võ Văn U được cấp Giấy CNQSDĐ với diện tích 10.254m²). Bà S1 cho rằng hợp đồng này vợ chồng bà có ký tên, nhưng không đọc nội dung, nên nguyên đơn cho rằng bị lừa dối. Tuy nhiên, đối với các bị đơn cùng xác định năm 1997, bà S1 và ông Hồn chuyển nhượng cho ông U và bà S3 phần đất có diện tích 10.254m², với giá 02 cây 08 chỉ vàng 24k là sự thật (có lập giấy tay, có địa phương xác nhận), không có việc lừa dối. Đến năm 2001, thì ông Hồn cùng với bà U đi thực hiện thủ tục xin cấp Giấy CNQSDĐ; ông Hồn được cấp Giấy CNQSDĐ năm 2001, nhưng trước đó đã sử dụng đất này từ năm 1997 (khi nhận chuyển nhượng giấy tay).

[3] Về căn cứ khởi kiện của nguyên đơn: Việc bà S1 cho rằng chỉ chuyển nhượng 05 công chứ không chuyển nhượng hết diện tích đất cho ông U (diện tích 10.254m² theo Giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông U) được cấp là thiếu cơ sở vững chắc. Bởi lẽ, từ năm 1997, thì ông Hồn và bà S1 đã giao toàn bộ diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông U và bà S3 quản lý, sử dụng. Phần đất này cũng tiếp giáp với phần đất còn lại của ông Hồn và bà S1 (do ông Quách Thái S2 và ông Quách Minh T2 là 02 người con trai của ông Hồn và bà S1) đang quản lý sử dụng từ đó đến nay. Đồng thời, từ năm 1997 cho đến nay, đã qua hơn 20 năm, thì giữa hai phần đất này có khuôn bao ranh giới, vị trí rõ ràng; không có sự nhầm lẫn với nhau về ranh đất và sử dụng đất ổn định, không xảy ra tranh chấp gì với nhau.

[3.1] Tại Biên bản hoà giải lập ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, thì bà S1 đã thừa nhận vào năm 2001, ông Hồn và bà S1 có cùng ông U và bà S3 đến Cơ quan chức năng làm thủ tục sang tên chuyển quyền cho ông U và bà S3. Theo đó, hồ sơ địa chính được thể hiện các văn bản như: Đơn nhượng đất ghi nhận diện tích 10.254m², lập ngày 24-4-1997 (có xác nhận ấp, xã, có chữ ký các bên); Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có ông Hồn ký bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ông U ký bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi nhận diện tích 10.254m², được lập và chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ vào ngày 05-4-2001; Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ghi nhận diện tích 10.254m², được lập và chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ vào ngày 05-4-2001; Bản xác minh đề nghị được lập và chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ vào ngày 05-4-2001; Trích lục bản đồ ghi nhận diện tích 10.254m² được lập và chứng thực của Phòng địa chính huyện Cái Nước vào ngày 06-4-2001; Quyết định số 931/QĐ.CTUB ngày

18-4-2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước về việc thu hồi đất sản xuất nông nghiệp của ông Quách Văn Hồn giao lại cho ông Võ Văn U ghi nhận diện tích 10.254m².

[3.2] Tại phiên đối chiếu chứng cứ và hoà giải ngày 16 tháng 10 năm 2018, phía bà S3 có cung cấp cho Tòa án “*Bản sao đơn nhượng đất lập ngày 24.4.1997*”. Từ bản sao này đối chiếu lại với “*Bản chính đơn nhượng đất lập ngày 24.4.1997*”, “*Bản chính hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập - chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ vào ngày 05.4.2001*” đã lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Tân và được sao lục vào ngày 24-9-2020 là hoàn toàn phù hợp với nhau về nội dung, hình thức và diện tích đất chuyển nhượng. Như vậy, một lần nữa có cơ sở xác định, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Võ Văn U, ghi nhận diện tích 10.254m², được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp ngày 02-5-2001 là hoàn toàn phù hợp với các văn bản hồ sơ địa chính nêu trên.

[4] Qua các chứng cứ trên đều thể hiện diện tích chuyển nhượng là 10.254m². Tại phiên tòa phúc thẩm, bà S1 cũng thừa nhận có đi cùng ông U đến cơ quan chức năng của huyện để ký các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông U, nhưng bà S1 cho rằng khi đó chỉ nghĩ là ký chuyển nhượng 05 công tằm lớn, nhưng phía bà S1 không chứng minh được bị đơn lừa dối, ghi thêm diện tích chuyển nhượng. Từ đó, Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm, như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[5] Cấp sơ thẩm có sai sót trong việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp (như đã nêu trong phần tố tụng), vì vậy cần rút kinh nghiệm trong vấn đề này, và điều chỉnh xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp, “*tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” cho phù hợp.

[6] *Về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, án phí phúc thẩm:* Do giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm được giữ nguyên là phù hợp. Tuy nhiên, án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng, nhưng trong quyết định Bản án không tuyên nguyên đơn phải chịu số tiền đã nộp 6.737.000 đồng là có thiếu sót. Đối với án phí phúc thẩm, riêng bà Nguyễn Thị S1 kháng cáo và có đơn xin miễn, nên xét miễn cho bà.

Những phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2020/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S1, ông Quách Thanh T1, ông Quách Chí L1, ông Quách Minh T2, ông Quách Thái S2, bà Quách Thị T3, bà Quách Ngọc M và bà Quách Thị H1 về việc yêu cầu ông Võ Văn U, bà Lê Thị S3, ông Võ Bé S4, bà Võ Chúc Q, bà Võ Trúc N, bà Võ Trúc H2 và bà Võ Thị Trúc L2 trả lại diện tích đất 2.980,8m² tọa lạc tại ấp Lung Môn, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (*Kèm theo bản vẽ ngày 06-8-2019 của Trung tâm quan kỹ thuật – công nghệ - quan trắc – tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau*).

2. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:*

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị S1, ông Quách Thanh T1, ông Quách Chí L1, ông Quách Minh T2, ông Quách Thái S2, bà Quách Thị T3, bà Quách Ngọc M và bà Quách Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), đã dự nộp 1.490.400 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng) tại biên lai thu tiền số 0007254 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được đối trừ và nhận lại 1.190.400 đồng (Một triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng).

- *Án phí phúc thẩm:* Bà Nguyễn Thị S1 được miễn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út

